

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-8-2022  
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,  
nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đào Văn Hiến.  
2. Ông Lê Văn Vững.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 493/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 555/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Hồ Thanh S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh S được mai mối và tìm hiểu chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng những năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh S chơi đánh bạc, gây nợ nần không quan tâm đến vợ con. Khi chị H khuyên anh

thì anh không nghe dẫn đến vợ cH cãi vả, cuộc sống gia đình căng thẳng. Hiện nay, anh S đã có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay cuộc sống vợ cH không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Hồ Thanh S.

- Về con chung: Vợ cH có 05 con chung tên Hồ Thị Cẩm T, sinh ngày 06/6/1997; Hồ Thị Cẩm P, sinh ngày 20/8/2000; Hồ Thị Cẩm H, sinh ngày 20/8/2000; Hồ Thị Cẩm D, sinh ngày 23/8/2012 và Hồ Thanh Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013. Hiện nay con chung đang sống với mẹ. Khi ly hôn chị H yêu cầu được quyền nuôi Hồ Thị Cẩm D, sinh ngày 23/8/2012 và Hồ Thanh Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung là Hồ Thị Cẩm T, Hồ Thị Cẩm P, Hồ Thị Cẩm H đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ cH có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Hồ Thanh S đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- + Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).
- + Giấy khai sinh 05 con chung (bản sao).
- + Giấy CMND và SHK của chị Nguyễn Thị H (photo).
- + Tờ tự khai (bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Hồ Thanh S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Hồ Thanh S là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Hồ Thanh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử

vắng mặt anh S là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh S được mai mối, tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, do đó hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp. Chị H cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng những năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh S chơi đánh bạc, gây nợ nần không quan tâm đến vợ con. Khi chị H khuyên anh thì anh không nghe dẫn đến vợ chồng cãi vã, cuộc sống gia đình căng thẳng. Nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Thanh S.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Hồ Thanh S tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh S vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị H. Xét thấy giữa chị H và anh S không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị H và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung tên Hồ Thị Cẩm T, sinh ngày 06/6/1997; Hồ Thị Cẩm P, sinh ngày 20/8/2000; Hồ Thị Cẩm H, sinh ngày 20/8/2000; Hồ Thị Cẩm D, sinh ngày 23/8/2012 và Hồ Thanh Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013. Hiện nay con chung đang sống với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho chị H hay cho anh S nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có yêu cầu nuôi con chung tên Hồ Thị Cẩm D, sinh ngày 23/8/2012 và Hồ Thanh Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Hồ Thị Cẩm T, Hồ Thị Cẩm P, Hồ Thị Cẩm H đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Xét thấy từ khi chị H, anh S xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị H là người trực tiếp chăm sóc con chung, lo cho con chung đầy đủ và chị H cho rằng chị H đủ điều kiện để nuôi con. Bên cạnh đó theo văn bản ghi ý kiến của con chung thì

con chung có nguyện vọng được sống với chị H. Do đó để con chung tên Hồ Thị Cẩm D, sinh ngày 23/8/2012 và Hồ Thanh Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Đối với con chung tên Hồ Thị Cẩm T, Hồ Thị Cẩm P, Hồ Thị Cẩm H đã đủ 18 tuổi, tự lao động được và chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị H trình bày có tài sản chung nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; anh S không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; anh S không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*\* Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hồ Thanh S.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Hồ Thị Cẩm D, sinh ngày 23/8/2012 và Hồ Thanh Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu. Đối với con chung tên Hồ Thị Cẩm T, Hồ Thị Cẩm P, Hồ Thị Cẩm H đã đủ 18

tuổi, tự lao động được và chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị H trình bày có tài sản chung nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; anh S không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; anh S không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007688 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Lê Văn Ngọc**